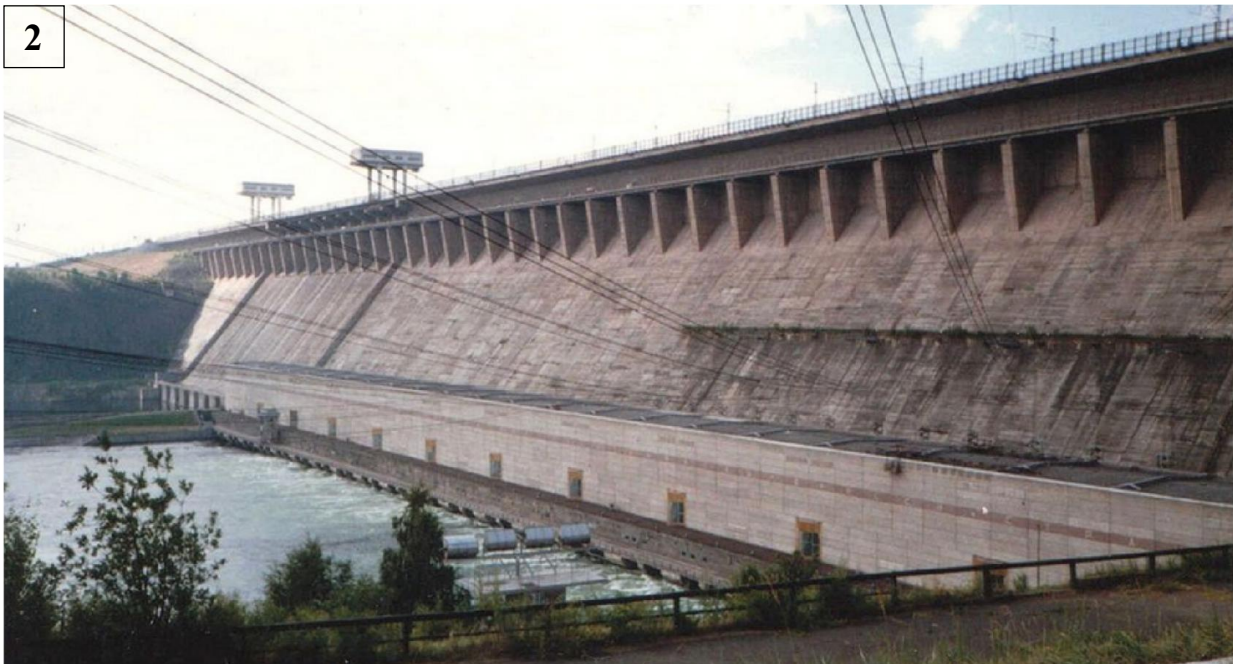


## 9 hồ chứa có dung tích lớn nhất thế giới



Hồ chứa **Kariba** trên lãnh thổ  Zimbabwe,  Zambia.  
Dung tích **180** km<sup>3</sup>. Mặt thoáng 5580 km<sup>2</sup>. Thời gian xây dựng 1955 - 1959  
Đập vòm bê tông Kariba cao 128m, dài 579m. Thủy điện 6400MW




Hồ chứa **Bratsk** trên lãnh thổ  Nga.  
Dung tích **169** km<sup>3</sup>. Mặt thoáng 5470 km<sup>2</sup>. Thời gian xây dựng 1954 - 1970  
Đập bê tông trọng lực Bratsk cao 125m, dài 4417m. Thủy điện 4500MW




Hồ chứa **Nasser** trên lãnh thổ  Ai Cập,  Sudan  
Dung tích **132 km<sup>3</sup>**. Mặt thoáng 3820 km<sup>2</sup>. Thời gian xây dựng 1958 - 1971  
Đập đất Aswan cao 111m, dài 3820m. Thủy điện 2100MW



Hồ chứa **Volta** trên lãnh thổ  Ghana  
Dung tích **148 km<sup>3</sup>**. Mặt thoáng 8502 km<sup>2</sup>. Thời gian xây dựng 1961 - 1968  
Đập đất Akosombo cao 114m, dài 660m. Thủy điện 1038MW



Hồ chứa **Manicouagan** trên lãnh thổ  Canada  
Dung tích **140** km<sup>3</sup>. Mặt thoáng 1942 km<sup>2</sup>. Thời gian xây dựng 1959 - 1970  
Đập liên vòm Daniel - Johnson cao 214m, dài 1314m. Thủy điện 2596MW

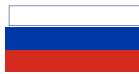


Hồ chứa **Guri** trên lãnh thổ  Venezuela  
Dung tích **135** km<sup>3</sup>. Mặt thoáng 4250 km<sup>2</sup>. Thời gian xây dựng 1963 - 1968  
Đập bê tông trọng lực vòm Guri cao 160m, dài 7426m. Thủy điện 10235MW



Hồ chứa **Williston** trên lãnh thổ  Canada  
Dung tích **74** km<sup>3</sup>. Mặt thoáng 1761 km<sup>2</sup>. Thời gian xây dựng 1963 - 1968  
Đập đất Bennett 186m, dài 2068m. Thủy điện 2876MW



Hồ chứa **Krasnoyarsk** trên lãnh thổ  Nga  
Dung tích **73** km<sup>3</sup>. Mặt thoáng 2000 km<sup>2</sup>. Thời gian xây dựng 1956 - 1972  
Đập bê tông trọng lực Krasnoyarsk cao 124m, dài 1085m. Thủy điện 6000MW



Hồ chứa **Zeya** trên lãnh thổ  Nga

Dung tích **68** km<sup>3</sup>. Mặt thoáng 2420 km<sup>2</sup>. Thời gian xây dựng 1965 - 1975

Đập bê tông trọng lực Zeya cao 115m, dài 1284m. Thủy điện 1330MW

*A.H.A. tổng hợp*